

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2021

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia  
tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Phường.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Vững.**
2. Ông **Nguyễn Văn Ánh.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Hồ Quốc Thái** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 26 tháng 5 và ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Thanh Q**, sinh năm 1985;  
Địa chỉ: Số X, Quốc lộ 30, tổ 26, khóm MP, phường MP, thành phố CL, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Trần Nguyễn Thảo L**, sinh năm 1989;  
Địa chỉ: Ấp 2, xã HT, huyện TM, Đồng Tháp.  
Địa chỉ làm việc: Viettel huyện TM, khóm 2, thị trấn MA, huyện TM, Đồng Tháp.

*(Anh Q có mặt tại phiên tòa,  
Chị L vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Bùi Thanh Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L do mai mối được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới vào năm 2018, được Ủy ban nhân dân xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/3/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L không tôn trọng anh và gia đình anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng với nhau về quan điểm sống, khiến cho mục đích hạnh phúc không đạt được. Anh đã có nhiều cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần cho vợ cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, nhưng vợ anh không thay đổi, những mâu thuẫn trong hôn nhân không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cho nên hôn nhân luôn áp lực và nặng nề. Anh và vợ đã sống ly thân với nhau từ tháng 05/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, thì anh có đến gặp chị L để hàn gắn nhưng không thành và cuộc sống của ai người này lo cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm của vợ chồng anh đã thực sự phai nhạt hoàn toàn, không thể hàn gắn được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị L.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thanh V, sinh ngày 17/12/2018 và Bùi Minh K, sinh ngày 20/12/2019. Hiện hai con đang sống với chị L tại xã HT. Theo đơn khởi kiện anh trình bày khi ly hôn anh đồng ý giao hai con cho vợ nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh xin thay đổi trình bày và yêu cầu là anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian tính cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì anh trình bày về nợ không có. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Anh cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ anh và chị L thì anh xin chịu trách nhiệm cùng với chị L. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn chị L mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- + Trích lục kết hôn (bản sao);
- + Giấy khai sinh con chung (bản sao);
- + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

*\* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.*

*\* Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Q về việc yêu cầu được ly hôn với chị L. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 2, xã HT, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Mai Văn Thanh và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thanh bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Nguyễn Văn Ánh là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị L do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Thạnh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/3/2018. Quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì anh Q và chị L hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh Q trình bày là do chị L không tôn trọng anh và gia đình anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng với nhau về quan điểm sống, khiến cho mục đích hạnh phúc không đạt được. Anh đã có nhiều cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần cho vợ cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, nhưng vợ anh không thay đổi, những mâu thuẫn trong hôn nhân không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cho nên hôn nhân luôn áp lực và nặng nề. Anh và vợ đã sống ly thân với nhau từ tháng 05/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, thì anh có đến gặp chị L để hàn gắn nhưng không thành và cuộc sống của ai người này lo cho đến nay. Xét

thấy, anh Q và chị L đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên có gặp nhau 01 lần để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, chị L mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy chị L không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì anh Q cương quyết xin ly hôn với chị L. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa anh Q và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của anh Q là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống anh Q và chị L có 02 con chung tên Bùi Thanh V, sinh ngày 17/12/2018 và Bùi Minh K, sinh ngày 20/12/2019. Hiện hai con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao hai con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian tính cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, còn chị L thì không có văn bản ý kiến hoặc yêu cầu gì về con chung. Xét hai con chung tính đến nay vẫn còn dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn anh Q đồng ý giao hai con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, còn chị L không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về con chung và tính đến nay giữa hai người cũng không có chứng cứ nào chứng minh là đã thỏa thuận được với nhau việc nuôi con chung. Đồng thời, bản thân chị L không thuộc trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ theo khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "...3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của anh Q là có căn cứ nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian tính cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, còn chị L không có ý kiến hoặc yêu cầu gì và tính đến nay giữa hai người cũng không có chứng cứ nào chứng minh là đã thỏa thuận được với nhau về phần cấp dưỡng nuôi con. Xét khi ly hôn mặc dù chị L không có yêu cầu gì về phần cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian tính cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của anh Q không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật. Đồng thời, mức cấp dưỡng này cao hơn so với mức cấp dưỡng do pháp luật hiện hành quy định trong trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được với nhau về phần cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của anh Q là có căn cứ nên chấp nhận.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Anh Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị L thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Anh Q trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị L thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì anh Quý phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thanh Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh Q được ly hôn với chị Trần Nguyễn Thảo L.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Bùi Thanh V, sinh ngày 17/12/2018 và Bùi Minh K, sinh ngày 20/12/2019. Anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung tên V và K mỗi đứa con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí:

Anh Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011542, ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Anh Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thái).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Minh Phường**